TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lầu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2024/TLST - HNGĐ ngày 06-5-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-7-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản Nà Tý (nay là bản Hợp Nhất 1), xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Bản Nà Tý (nay là bản Hợp Nhất 1), xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống

đến năm 2019 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, chị Tâm và anh Toán đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn Đông, sinh ngày 30/8/2002 và cháu Lò Thị Hà, sinh ngày 06/10/2000.

Chị Tâm không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Tâm cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2014 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, anh Toán và chị Tâm đã sống ly thân đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T, anh Toán nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn Đông, sinh ngày 30/8/2002 và cháu Lò Thị Hà, sinh ngày 06/10/2000.

Anh Toán không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Toán cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Tâm giữ nguyên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong biên bản lấy lời khai.

Biên bản xác minh ngày 16/5/2024 tại chính quyền địa phương: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Tý, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và không đăng ký kết hôn với nhau cho đến nay, hiện tại chị Tâm và anh Toán đã sống ly thân. Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T có 02 con chung đều đã trưởng thành, tự lập, có khả năng lao động.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn Đông, sinh ngày 30/8/2002 và cháu Lò Thị Hà, sinh ngày 06/10/2000. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T có nơi thường trú tại bản Nà Tý, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn T: Nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh

Lò Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và không đăng ký kết hôn. Chị Tâm yêu cầu ly hôn anh Lò Văn T. Anh Lò Văn T không nhất trí ly hôn với chị Lò Thị T.

Xét thấy: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn Đông, sinh ngày 30/8/2002 và cháu Lò Thị Hà, sinh ngày 06/10/2000. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị Tâm, anh Toán không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Tâm, anh Toán cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung là: Cháu Lò Văn Đông, sinh ngày 30/8/2002 và cháu Lò Thị Hà, sinh ngày 06/10/2000. Hai cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động vì vậy chị Tâm và anh Toán không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị Tâm, anh Toán cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001794, ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng